

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2021/DS-PT

Ngày: 29- 9 -2021

V/v tranh chấp quyền sử
dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cửa

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 135/2021/QĐPT-DS ngày 31 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm: 1972;

Địa chỉ: ấp V, xã Vang Q, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh T, sinh năm: 1979 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 22/9/2021). (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Tố Q, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà Q: Ông Đoàn Văn L là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 07/8/2019). *(có mặt)*

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Văn Ly – Luật sư Văn phòng Luật sư Chiến Ly thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. *(có mặt)*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Đoàn Minh T2, sinh năm: 1986;

Người đại diện hợp pháp của ông T2: Ông Đoàn Văn L là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 20/12/2020). *(có mặt)*

2. Ông Đoàn Văn L, sinh năm: 1952; *(có mặt)*

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*:

1. Nguyên đơn ông Lê Văn T;

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị Tố Q;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh T2;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/8/2018; đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/11/2020 của ông Lê Văn T và quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Minh T trình bày:

Ông Lê Văn T là chủ sử dụng đất thửa đất số 19 tờ bản đồ số 14 tổng diện tích là 2799,3m², tọa lạc tại Ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Giáp ranh với phần đất của ông T là phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Tố Q thuộc thửa 218, tờ bản đồ số 14 diện tích 2336,3m², tọa lạc tại Ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ngày 21/11/2017 ông T yêu cầu Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B đến đo đạc phục hồi ranh theo bản đồ địa chính; nhưng bà Q không đồng ý ranh theo hồ sơ địa chính nên ông khởi kiện yêu cầu bà Q cùng chồng là ông Đoàn Minh T2 phải trả lại phần đất có diện tích 37,3m² thuộc thửa số 19 tờ bản đồ số 14.

Sau khi có họa đồ hiện trạng sử dụng đất, ông T khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Q và những người quản lý đất phải có nghĩa vụ trả cho ông phần đất có

diện tích 61,6m² thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Nguyễn Thị Tố Q trình bày:

Nguồn gốc phần đất thửa 218, tờ bản đồ số 14 là do ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn T3 vào năm 2010; lúc nhận chuyển nhượng phần đất này thì ông Lê Văn T chưa mua phần đất kế bên là thửa 19. Lúc ông mua thửa 218, có đo đạc lại và có sự chỉ ranh của các chủ đất giáp ranh cũ.

Sau đó ông T mua lại phần đất của bà L1 vào thời điểm nào thì ông không biết nhưng đến năm 2011 thì ông T xây tường rào rất cao tại vị trí giáp ranh đất giữa 2 bên. Khi ông T xây tường rào không có mời ông ra để chỉ ranh nhưng khi xây ông thấy đúng với ranh mà ông đã thống nhất với bà L1 nên ông cũng không có ý kiến gì.

Sau khi xây xong tường rào thì giữa ông và ông T cũng không có tranh chấp gì.

Phần đất thửa 218 ông là người đứng ra nhận chuyển nhượng; sau đó ông sang tên cho Đoàn Minh C rồi anh C chuyển lại cho Đoàn Minh T2, Tùng chuyển tên sang cho Nguyễn Thị Tố Q; Hiện tại chị Q là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T ông là người đại diện theo ủy quyền của chị Q không đồng ý với yêu cầu của ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định như sau:

Áp dụng các Điều 166, 579, 580 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 73, 75; 99, 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Các Điều 91; 147; 192, 217, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với bà Nguyễn Thị Tố Q, ông Đoàn Minh T2 về việc “ Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

2/ Buộc bà Nguyễn Thị Tố Q và ông Đoàn Minh T2 phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Lê Văn T số tiền 98.560.000 đồng (Chín mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 16/3/2021, nguyên đơn ông Lê Văn T kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị Tố Q, ông Đoàn Minh T2 trả lại cho ông 61,6m² đất, ông không đồng ý nhận giá trị quyền sử dụng đất như bản án sơ thẩm đã tuyên.

- Ngày 16/3/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Tố Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh T2 kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông T. Trên phần đất tranh chấp bà Q, ông T2 đã xây dựng một phần ngôi nhà. Nếu Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông, ông đồng ý để bà Q, ông T2 tiếp tục sử dụng ngôi nhà, không phải tháo dỡ, di dời.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Tố Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh T2 trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông T2, bà Q.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn phát biểu quan điểm: Thửa đất số 218 của bà Q và thửa 19 của ông T hiện trạng hai bên sử dụng là đúng. Vì ông T chuyển nhượng đất của bà V không có đo đạc. Sau khi nhận chuyển nhượng ông T đã xây dựng bờ tường bê tông kiên cố, xác định đúng thực tế sử dụng đất; Theo hồ sơ đo đạc diện tích đất bà Q sử dụng còn thiếu so với diện tích đất được cấp quyền sử dụng đất. Bên ông T sử dụng thực tế thì thừa. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tố Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh T2, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ. Trên phần đất tranh chấp, bà Q và ông T2 đã xây dựng một phần ngôi nhà kiên cố nên Tòa cấp sơ thẩm buộc bà Q và ông T2 trả cho ông T giá trị phần đất tranh chấp là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên Tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông T trình bày ông T đồng ý để bà Q, ông T2 tiếp tục sử dụng ngôi nhà, không phải tháo dỡ, di dời nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa một phần bản án sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Tố Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh T2 phải trả lại cho ông T phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 61,6m² thuộc thửa 19-2 tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre. Ghi nhận ông Lê Văn T đồng ý để bà Q, ông T2 tiếp tục sử dụng ngôi nhà, không phải tháo dỡ, di dời.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn T, bị đơn bà Nguyễn Thị Tố Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh T2;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Tố Q phải trả lại cho ông phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 61,6m² thuộc thửa 19-2 tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Tố Q là ông Đoàn Văn L không đồng ý với yêu cầu của ông T vì cho rằng vào năm 2010, trước khi ông T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị Bích V (bà L1) thì bà V có tranh chấp với ông. Khi UBND xã B1 hòa giải, giữa hai bên đã thống nhất ranh và đã sử dụng đất đúng như thỏa thuận nên sau đó ông T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà V, ông T đã xây dựng tường rào kiên cố giữa 2 bên ranh đất; phần đất bị đơn sử dụng còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp.

[2] Nguyên đơn ông Lê Văn T là chủ sử dụng thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2799,8m². Giáp ranh với phần đất của ông T là phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Tố Q thuộc thửa số 218, tờ bản đồ số 14 có diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 2336,3m². Phần đất thuộc quyền sử dụng của ông T có nguồn gốc do ông T nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị Bích V. Phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Q có nguồn gốc của ông Đoàn Minh C nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn T3, sau đó ông

C chuyển nhượng cho ông Đoàn Minh T2, ông T2 chuyển quyền sử dụng cho bà Nguyễn Thị Tố Q. Trước khi bà V chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông T, giữa bà V và ông C có tranh chấp ranh đất. Ngày 09/11/2010, Ủy ban nhân dân xã B1 tổ chức hòa giải tranh chấp giữa bà V, ông C, đồng thời có sự tham gia của ông T3. Kết quả các bên thống nhất được ranh đất. Tại biên bản xác minh ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện B người đại diện của Ủy ban nhân dân xã B1 xác định sau khi hòa giải thành Ủy ban nhân dân xã có tiến hành ra thực địa để chứng kiến các bên cắm trụ, sau đó các bên đã sử dụng ổn định. Khi ông T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà V không có đo đạc, hiệp thương ranh với các chủ đất giáp ranh. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông T đã tiến hành xây dựng hàng rào kiên cố; khi xây dựng cũng không có hiệp thương ranh. Bị đơn cho rằng hàng rào ông T xây dựng là ranh giữa bà V và ông C đã thỏa thuận. Ông T cho rằng khi xây dựng bức tường rào ông có chừa một khoảng đất trống chưa tới ranh đất để sử dụng vào mục đích khác nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không có chứng cứ chứng minh.

[3] Ngày 09/11/2010, giữa bà V và ông C đã thống nhất lại ranh đất nhưng ngày 11/11/2010 Ủy ban nhân dân xã B1 làm giấy xác nhận về việc chuyển đổi từ số liệu địa chính không chính quy sang số liệu chính quy mà không có tiến hành đo đạc lại theo ranh đất các bên mới thỏa thuận. Đồng thời nội dung biên bản hòa giải ngày 09/11/2010 của UBND xã B1 cũng chưa rõ, không xác định được thực tế biến động đất đai nhưng cũng đã thể hiện: các bên thống nhất lấy họa đồ sử dụng đất của ông C đo cạnh giáp sông C chiều dài 73,39m để xác định vị trí ranh giữa đất ông C (bà Q) với đất của bà V (ông T) và sẽ cắm trụ sau đó bắt từ trụ giáp sông kéo thẳng đến trụ đã cắm trước kia. Qua đo đạc thực tế theo họa đồ, thửa đất 218 cạnh giáp sông C tính từ hướng Tây giáp thửa 20 đến hướng Đông giáp thửa 19 của ông T tại điểm M theo ông T xác định ranh thì đúng 73,29m còn điểm G theo bà Q chỉ ranh thì thừa 2,53m. Như vậy, có cơ sở xác định ranh đất giữa hai bên tại điểm M là có căn cứ, phù hợp với biên bản hòa giải ngày 9/11/2010 như thỏa thuận giữa bà V và ông C. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/9/2021 các bên thống nhất năm 2015, ông C (bà Q) có nhận chuyển nhượng phần đất của bà Nguyễn Thị Kim T4 phần đất diện tích 70,2m² thuộc một phần thửa 21 có ông T ký tên giáp ranh và ông Lâm trình bày khi mua cạnh giáp đường ở hướng Nam dài 2m, phía Bắc giáp thửa 218 dài 2,5m. Theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 28/9/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai cung cấp thì phần đất bà Q mua của bà Tiền năm 2015 thể hiện cạnh giáp đường đi tại điểm A-J dài 2m, phía Bắc giáp thửa 218 từ điểm B đến điểm I theo bà Q xác định là 3.43m (thừa 0,93m), còn tính từ điểm B- K theo ông T xác định là 2,5m và có diện tích theo ông T chỉ có các điểm JABK = 70,2m² còn

diện tích theo bà Q chỉ có các điểm JABI = 84,7m² do đó căn cứ xác định ranh đất giữa thửa 19 và thửa 218 của ông T, bà Q là ở vị trí K như ông T đã xác định. Từ những nhận định trên, có căn cứ xác định ranh đất giữa thửa 19 của ông T và thửa 218 của bà Q từ hướng Nam tính từ điểm J đến hướng Bắc giáp sông C qua các điểm J, K, L, M và theo ranh đất này thì diện tích đất của bà Q và ông T đúng diện tích mà hai bên được cấp quyền sử dụng đất nên ông T cho rằng bà Q sử dụng lấn chiếm qua thửa đất của ông 61,6m² và khởi kiện yêu cầu bà Q trả lại là có căn cứ.

[4] Xét kháng cáo của ông Lê Văn T: theo hiện trạng sử dụng đất thì ông T có xây bờ tường rào để ngăn cách 2 thửa đất, bà Q đã cất nhà kiên cố trên một phần đất tranh chấp nên tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng giao cho bà Q sử dụng đất, buộc bà Q và ông T2 trả lại giá trị đất tranh chấp cho ông T là có căn cứ. Tại phiên Tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng ông T tự nguyện cho bị đơn được sử dụng phần đất có ngôi nhà không cần tháo dỡ. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn T, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, buộc bà Nguyễn Thị Tố Q, ông Đoàn Minh T2 trả lại cho ông Lê Văn T phần đất diện tích 61,6m² thuộc thửa 19-2 tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre, ghi nhận ông Lê Văn T đồng ý để bà Q, ông T2 tiếp tục sử dụng ngôi nhà, không phải tháo dỡ, di dời ra khỏi phần đất 61,6m².

Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn T; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tố Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh T2. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T, buộc bà Nguyễn Thị Tố Q, ông Đoàn Minh T2 trả lại cho ông Lê Văn T phần đất diện tích 61,6m² thuộc thửa 19-2, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại Ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre. Ghi nhận ông Lê Văn T đồng ý để bà Q, ông T2 tiếp tục sử dụng ngôi nhà, không phải tháo dỡ, di dời ra khỏi phần đất 61,6m².

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về tranh chấp quyền sử dụng đất được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Tố Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh T2 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch có tiền 300.000đồng. Tòa cấp sơ thẩm buộc bà Q và ông T2 chịu án phí có giá ngạch số tiền 4.928.000đồng là không phù hợp.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Tố Q và ông Đoàn Minh T2 phải liên đới chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000đồng. Kháng cáo của ông Lê Văn T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn T;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Tố Q.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Minh T2;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các Điều 170, 203 Luật đất đai năm 2013; các điều 26, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bà Nguyễn Thị Tố Q.

Buộc bà Nguyễn Thị Tố Q, ông Đoàn Minh T2 trả lại cho ông Lê Văn T phần đất diện tích 61,6m² được ký hiệu thửa 19-2, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre (có họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 28/9/2021 kèm theo).

Ghi nhận ông Lê Văn T đồng ý để bà Q, ông T2 tiếp tục sử dụng ngôi nhà, không phải tháo dỡ, di dời ra khỏi phần đất diện tích 61,6m² được ký hiệu thửa 19-2, tờ bản đồ số 14, tọa lạc tại ấp 1, xã B1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Chi phí tố tụng: Ông Lê Văn T tự nguyện chịu và đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn T không phải chịu. Hoàn lại cho ông T tạm ứng án phí đã nộp số tiền 8.025.000đồng (tám triệu không trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0020972 ngày 05/12/2018 và biên lai thu số 0010567 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Bà Nguyễn Thị Tô Q và ông Đoàn Minh T2 phải liên đới chịu số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng).

4. Ân phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Lê Văn T không phải chịu. Hoàn lại cho ông T vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006293 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

- Bà Nguyễn Thị Tô Q và ông Đoàn Minh T2 phải liên đới chịu số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006292 và số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006291 cùng ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Hoàn lại cho bà Q và ông T2 số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Kim Cửa